

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 89780
	Giờ: Ngày 27 tháng 8 năm 12

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 37
8. Phụ lục	38

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 và lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 272.236.470.000 VND

Trong đó:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	<u>272.236.470.000</u>	<u>100,00</u>

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức bán xi măng cho Công Thanh thay vì chỉ gia công như các năm trước. Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này giảm sút so với kỳ trước chủ yếu là do chi phí lãi vay không còn được vốn hóa. Tuy nhiên số lỗ được giảm bớt do Công ty thực hiện xóa sổ nợ phải trả liên quan đến việc xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch và ghi nhận thu nhập do nhà thầu tự ý bỏ công trình.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Trong kỳ, Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2012 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận mà Công ty đã tạm trích lập trong năm 2011 như sau:

- | | |
|-------------------------------------|----------------------|
| - Chia cổ tức | : 27.223.647.000 VND |
| - Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi | : 3.006.478.387 VND |
| - Trích quỹ dự phòng tài chính | : 1.503.239.193 VND |

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Üy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Üy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Üy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Üy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


Nguyễn Công Lý
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 8 năm 2012



Số: 0743/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần tấm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 23 tháng 7 năm 2012, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề sau:

- Công ty thực hiện xóa sổ công nợ phải trả đối với nhà thầu China Machine - Building International Corp bằng cách căn trừ với công nợ phải thu của Công ty cổ phần vận tải An Tôn là 8.564.107.603 VND và đưa vào thu nhập khác là 34.764.700.850 VND. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện xóa sổ và ghi vào thu nhập khác khoản công nợ phải trả Công ty TNHH Hwan Tai Việt Nam với số tiền là 2.568.720.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để đảm bảo cho tính hợp lý của việc ghi nhận vào thu nhập các khoản công nợ phải trả này.
- Báo cáo kiểm toán năm 2011 có nêu ý kiến ngoại trừ do chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của các chi phí liên quan đến chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 của Nhà máy nghiên xi măng ở Nhơn Trạch đã được Công ty vốn hóa với số tiền 76.511.299.453 VND. Cho đến thời điểm này, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến vấn đề Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.17 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Theo đó chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của tiền đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi đánh giá lại. Nếu chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái thì lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ là lỗ 4.847.374.291 VND và chi tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 trên Bảng cân đối kế toán sẽ là 23.807.797.041VND.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0100/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.314.394.945	156.545.464.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.036.117.641	3.917.431.449
1. Tiền	111		1.036.117.641	3.117.431.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		5.848.866.117	11.437.310.843
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	2.271.570.789	9.680.482.078
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.375.414.807	1.285.487.328
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.201.880.521	471.341.437
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		178.273.788.799	139.650.584.844
1. Hàng tồn kho	141	V.5	178.273.788.799	139.650.584.844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.155.622.388	1.540.136.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.080.092.474	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.180.665.319	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.894.864.595	1.540.136.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LÓP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.029.514.998.497	1.048.966.465.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		933.496.855.786	952.235.600.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	858.020.228.833	880.272.334.609
<i>Nguyên giá</i>	222		987.276.390.080	980.548.057.649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(129.256.161.247)	(100.275.723.040)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.945.860.366	9.082.650.170
<i>Nguyên giá</i>	228		9.333.877.589	9.333.877.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(388.017.223)	(251.227.419)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	66.530.766.587	62.880.615.641
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.018.142.711	6.730.865.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	235.900.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	6.018.142.711	6.494.965.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.219.829.393.442	1.205.511.929.656

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		824.353.672.000	816.659.689.029
I. Nợ ngắn hạn	310		419.606.899.056	385.513.178.984
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	222.996.961.024	209.477.595.402
2. Phải trả người bán	312	V.15	30.414.039.438	65.956.066.783
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	110.696.142.552	61.513.767.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	7.000.529.660	6.168.820.178
5. Phải trả người lao động	315	V.18	4.721.842.110	4.539.842.782
6. Chi phí phải trả	316	V.19	9.518.484.881	3.228.610.250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	28.966.246.650	28.595.932.204
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	5.292.652.741	6.032.543.741
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		404.746.772.944	431.146.510.045
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	404.569.826.807	427.569.826.807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	176.946.137	3.576.683.238
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		395.475.721.442	388.852.240.627
I. Vốn chủ sở hữu	410		395.475.721.442	388.852.240.627
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.24	1.206.631	(11.470.855.106)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	11.450.902.692	11.450.902.692
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	23.806.590.410	28.655.171.332
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.219.829.393.442	1.205.511.929.656

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

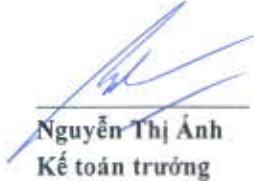
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

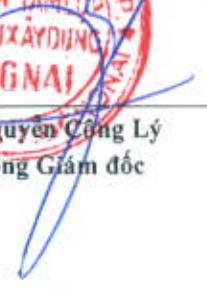
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.25	9.767.325.925	41.615.568.652
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		568,74	448,08
Euro (EUR)		372,60	367,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012




Bùi Thị Hoan
Người lập biếu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	284.192.178.167	133.708.095.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	284.192.178.167	133.708.095.316
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	257.735.833.050	90.783.690.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.456.345.117	42.924.404.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.466.955.457	916.921.727
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	57.576.096.122	9.296.843.779
Trong đó: chi phí lãi vay	23		57.387.630.322	8.075.973.481
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.349.709.305	1.981.049.537
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.808.111.696	6.716.736.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.810.616.549)	25.846.696.366
11. Thu nhập khác	31	VI.7	37.343.082.485	262.824.315
12. Chi phí khác	32	VI.8	584.398.896	53.816.592
13. Lợi nhuận khác	40		36.758.683.589	209.007.723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.051.932.960)	26.055.704.089
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	1.960.485.063	6.583.097.985
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(3.163.837.101)	253.862.691
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(4.848.580.922)</u>	<u>19.218.743.413</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(178)</u>	<u>706</u>

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN TẤM LỢP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI
TỔ BIÊN HÓA
Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<i>(6.051.932.960)</i>	<i>26.055.704.089</i>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	29.287.126.048	2.816.456.110
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hồi đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(60.716.901)	(484.050.762)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.336.253.875)	(222.813.700)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	57.387.630.322	8.075.973.481
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>79.225.852.634</i>	<i>36.241.269.218</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.578.078.828	15.373.521.484
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.623.203.955)	(60.758.077.793)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27.367.626.830	26.057.707.388
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.080.092.474)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(49.502.300.441)	(8.075.973.481)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(4.415.828.944)	(2.856.171.457)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.309.306.388
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.21	(739.891.000)	(2.942.979.583)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>15.810.241.478</i>	<i>4.348.602.164</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,10	(10.607.649.539)	(87.638.683.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		42.022.000	136.363.700
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.353.500.000	86.450.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(9.212.127.539)</i>	<i>(87.415.869.495)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	185.470.218.618	160.743.331.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(194.950.852.996)	(83.122.230.472)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.480.634.378)	77.621.101.392
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.882.520.439)	(5.446.165.939)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.917.431.449	6.215.749.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.206.631	(69.940.271)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.036.117.641	699.642.932

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 527 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 547 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức bán xi măng cho Công Thanh thay vì chi gia công như các năm trước. Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này giảm sút so với kỳ trước chủ yếu là do chi phí lãi vay không còn được vốn hóa. Tuy nhiên số lỗ được giảm bớt do Công ty thực hiện xóa sổ nợ phải trả liên quan đến việc xây dựng Nhà máy nghiên xi măng Nhơn Trạch và ghi nhận thu nhập do nhà thầu tự ý bỏ công trình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán đòn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động dù điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù lỗ của Công ty với mức trích lập hàng năm là 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được bùt toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong kỳ đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cỗ tức và lợi nhuận được chia

Cỗ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cỗ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, các tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa I, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	297.908.801	150.082.793
Tiền gửi ngân hàng	738.208.840	2.967.348.656
Các khoản tương đương tiền	-	800.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<u>1.036.117.641</u>	<u>3.917.431.449</u>
Cộng	<u>1.036.117.641</u>	<u>3.917.431.449</u>

2. Phải thu khác hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng mua thành phẩm	1.607.045.988	9.374.306.593
Các khách hàng khác	664.524.801	306.175.485
Cộng	<u>2.271.570.789</u>	<u>9.680.482.078</u>

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần thương mại Đào Gia	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	875.414.807	1.285.487.328
Cộng	<u>1.375.414.807</u>	<u>1.285.487.328</u>

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	1.378.756.323	-
Phải thu khác	823.124.198	471.341.437
Cộng	<u>2.201.880.521</u>	<u>471.341.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	169.033.514.014	126.298.354.912
Công cụ, dụng cụ	346.501.600	318.141.696
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.235.645	26.235.645
Thành phẩm	8.867.537.540	13.007.852.591
Cộng	178.273.788.799	139.650.584.844

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các chi phí liên quan đến sự cố hư cần cẩu của cảng Nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bên thứ ba bồi thường.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1.863.564.595	1.533.836.890
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	31.300.000	6.300.000
Cộng	1.894.864.595	1.540.136.890

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	431.711.885.704	506.412.730.012	39.763.212.535	2.660.229.398	980.548.057.649
Mua sắm trong kỳ	-	5.543.307.684	1.272.727.273	141.463.636	6.957.498.593
Phân loại lại tài sản	(1.250.465.868)	1.250.465.868	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(183.540.000)	-	-	(183.540.000)
Giảm theo biên bản xử lý kiểm kê năm 2011	-	-	(45.626.162)	-	(45.626.162)
Số cuối kỳ	430.461.419.836	513.022.963.564	40.990.313.646	2.801.693.034	987.276.390.080
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.742.167.271	51.861.213.329	7.647.102.877	675.347.914	74.925.831.391
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.694.895.178	61.635.665.892	15.092.892.279	852.269.691	100.275.723.040
Khấu hao trong kỳ	10.746.276.236	15.917.951.072	2.279.703.854	206.405.082	29.150.336.244
Thanh lý, nhượng bán	-	(124.271.875)	-	-	(124.271.875)
Giảm theo biên bản xử lý kiểm kê năm 2011	-	-	(45.626.162)	-	(45.626.162)
Số cuối kỳ	33.441.171.414	77.429.345.089	17.326.969.971	1.058.674.773	129.256.161.247

Giá trị còn lại

Số đầu năm	409.016.990.526	444.777.064.120	24.670.320.256	1.807.959.707	880.272.334.609
Số cuối kỳ	397.020.248.422	435.593.618.475	23.663.343.675	1.743.018.261	858.020.228.833

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 858.004.890.218 VND và 789.553.157.140 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Công
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	215.233.560	9.333.877.589
Số cuối kỳ	9.118.644.029	215.233.560	9.333.877.589
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	207.309.078	43.918.341	251.227.419
Khấu hao trong kỳ	116.733.054	20.056.750	136.789.804
Số cuối kỳ	324.042.132	63.975.091	388.017.223
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.911.334.951	171.315.219	9.082.650.170
Số cuối kỳ	8.794.601.897	151.258.469	8.945.860.366
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	267.168.373	-	-	267.168.373
XDCB dở dang	62.613.447.268	3.650.150.946	-	66.263.598.214
- <i>Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch</i>	-	3.491.482.291	-	3.491.482.291
- <i>Công trình bến xà lan 30.000 tấn</i>	47.758.901.912	158.668.655	-	47.917.570.567
- <i>Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiên</i> ⁽⁹⁾	14.854.545.356	-	-	14.854.545.356
Cộng	62.880.615.641	3.650.150.946	-	66.530.766.587

⁽⁹⁾ Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiên Công ty thực hiện theo Thông báo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 6 năm 2009. Hiện tại, công trình đã hoàn thành giai đoạn 1, Công ty đang làm việc với các doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường để góp vốn hoàn trả lại chi phí đã chi để xây dựng con đường này nhưng chưa có biên bản chính thức nên chưa kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp là 10%.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LÓP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	235.900.000	132.850.000
Phát sinh trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(235.900.000)</u>	<u>(132.850.000)</u>
Số cuối kỳ	-	-

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ L/C thanh toán hợp đồng thi công xây dựng và mua thiết bị dự án Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	179.996.961.024	169.477.595.402
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>43.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>
Cộng	<u>222.996.961.024</u>	<u>209.477.595.402</u>

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong kỳ khoảng 13,5% - 17,5%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	209.477.595.402	98.802.230.472
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	185.470.218.618	95.137.794.398
Kết chuyển từ vay dài hạn	<u>23.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(194.950.852.996)</u>	<u>(83.122.230.472)</u>
Số cuối kỳ	<u>222.996.961.024</u>	<u>130.817.794.398</u>

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
China Machine-Building International Corp	-	55.106.891.107
Material Resources & Trading Corporation	22.689.754.720	2.217.749.819
Các nhà cung cấp khác	<u>7.724.284.718</u>	<u>8.631.425.857</u>
Cộng	<u>30.414.039.438</u>	<u>65.956.066.783</u>

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	109.557.539.263	61.486.667.616
Các khách hàng khác	<u>1.138.603.289</u>	<u>27.100.028</u>
Cộng	<u>110.696.142.552</u>	<u>61.513.767.644</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	575.039.877	5.096.190.839	(3.861.545.069)	1.809.685.647
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.255.094.559	(2.876.338.236)	1.378.756.323
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.796.641.504	(1.140.090.874)	656.550.630
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.559.988.317	1.960.485.063	(4.415.828.944)	3.104.644.436
Thuế thu nhập cá nhân	30.811.611	363.137.895	(349.197.272)	44.752.234
Thuế tài nguyên	2.980.373	29.647.710	(26.487.693)	6.140.390
Thuế khác	-	242.481.600	(242.481.600)	-
Cộng	6.168.820.178	13.743.679.170	(12.911.969.688)	7.000.529.660

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tấm lợp, xi măng, gạch 10%
- Vận chuyển, phế liệu 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.051.932.960)	26.055.704.089
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.384.852.853	1.292.138.615
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.004.316.901)	(1.015.450.762)
Thu nhập chịu thuế	7.328.602.992	26.332.391.942
Thu nhập được miễn thuế	(1.350.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	5.978.602.992	26.332.391.942
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.494.650.748	6.583.097.985
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	465.834.315	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.960.485.063	6.583.097.985

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất 1%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất 5%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng 6%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phải trả người lao động

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:

- Xi măng :	24.000 VND/tấn
- Tấm lợp :	2.000 - 2.300 VND/m ²
- Gạch :	350 VND/viên
- Từ tháng 3 năm 2012 lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	1.015.600.000
Lãi vay phải trả	9.518.484.881	1.633.155.000
Chi phí khác	-	579.855.250
Cộng	9.518.484.881	3.228.610.250

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	851.605.482	377.503.119
Kinh phí công đoàn	247.006.562	203.227.397
Bảo hiểm thất nghiệp	108.534.783	42.241.441
Cố tức phải trả	27.271.285.675	27.271.285.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	487.814.148	701.674.572
Cộng	28.966.246.650	28.595.932.204

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.376.019.769	-	(545.970.000)	2.830.049.769
Quỹ phúc lợi	2.656.523.972	-	(193.921.000)	2.462.602.972
Cộng	6.032.543.741	-	(739.891.000)	5.292.652.741

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nồi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong kỳ khoản từ 18%-20%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	43.000.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	205.000.000.000
Trên 5 năm	199.569.826.807
Tổng nợ	447.569.826.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	427.569.826.807	365.341.904.287
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	65.605.537.466
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(23.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số cuối kỳ	404.569.826.807	410.947.441.753

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.576.683.238	2.200.892.013
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	121.012.691
Số hoàn nhập trong kỳ	(3.399.737.101)	-
Số cuối kỳ	176.946.137	2.321.904.704

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản tiền và công nợ ngắn hạn.

25. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	848.723.425	34.815.011.152
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	8.918.602.500	6.800.557.500
Cộng	9.767.325.925	41.615.568.652

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	284.192.178.167	133.708.095.316
Doanh thu bán tấm lợp và thành phẩm khác	133.282.967.167	118.772.765.036
Doanh thu bán xi măng	149.702.824.500	14.765.074.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.206.386.500	170.255.680
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	<u>284.192.178.167</u>	<u>133.708.095.316</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp và thành phẩm khác đã cung cấp	92.129.275.872	79.409.862.328
Giá vốn xi măng	164.999.210.441	10.924.984.414
Giá vốn khác	607.346.737	448.844.035
Cộng	<u>257.735.833.050</u>	<u>90.783.690.777</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.738.556	53.721.330
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.500.000	86.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	175.703.635
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.716.901	484.050.762
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.350.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	116.996.000
Cộng	<u>1.466.955.457</u>	<u>916.921.727</u>

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.387.630.322	8.075.973.481
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	188.465.800	1.220.870.298
Cộng	<u>57.576.096.122</u>	<u>9.296.843.779</u>

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.490.518.266	1.088.268.772
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	886.041.859	48.711.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	993.066.990	71.058.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	898.876.757	535.064.661
Chi phí khác	81.205.433	237.945.469
Cộng	<u>4.349.709.305</u>	<u>1.981.049.537</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.709.380.880	2.234.173.258
Chi phí vật liệu quản lý	863.816.040	643.789.097
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1.251.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	798.560.817	680.145.639
Thuế, phí và lệ phí	109.568.163	42.913.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.477.839.630	1.524.983.235
Chi phí khác	1.848.946.166	1.589.479.922
Cộng	8.808.111.696	6.716.736.584

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	136.363.700
Các khoản nợ xác định không phải trả	37.340.084.725	-
Thu nhập khác	2.997.760	126.460.615
Cộng	37.343.082.485	262.824.315

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	59.268.125	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	489.873.271	13.854.836
Phạt hành chính	35.000.000	-
Chi phí khác	257.500	39.961.756
Cộng	584.398.896	53.816.592

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	235.900.000	132.850.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	121.012.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.399.737.101)	-
Cộng	(3.163.837.101)	253.862.691

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.848.580.922)	19.218.743.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu
phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân
trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
(4.848.580.922)	19.218.743.413
<u>27.223.647</u>	<u>27.223.647</u>
<u>(178)</u>	<u>706</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác

Cộng

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
197.756.079.692	91.580.501.627
18.475.413.845	14.471.985.279
29.287.126.048	2.816.456.110
18.505.240.073	10.184.578.966
2.122.132.590	1.968.545.172
<u>266.145.992.248</u>	<u>121.022.067.154</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong kỳ Công ty mượn tiền của Chủ tịch Hội đồng quản trị số tiền là 870.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ này đã được hoàn trả.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
793.086.793	645.769.273
70.800.000	73.500.000
<u>863.886.793</u>	<u>719.269.273</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Công ty cổ phần xi măng Công Thanh

Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh

Mối quan hệ

Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
189.481.499.801	63.709.478.374
149.856.425.730	23.169.724.040
Cho mượn	2.500.000.000
<i>Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thanh</i>	
Mua tài sản cố định	652.575.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần kinh doanh XNK Công Thành</i>		
Trả trước tiền mua tài sản cố định	-	358.916.250
Công nợ phải thu	-	358.916.250
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thành</i>		
Nhận trước tiền gia công	109.557.539.263	61.486.667.616
Công nợ phải trả	109.557.539.263	61.486.667.616

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tấm lợp: sản xuất sản phẩm tấm lợp và bán cho các Công ty hoặc cá nhân
- Sản phẩm xi măng: sản xuất xi măng và bán cho Công ty cổ phần xi măng Công Thành.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kinh doanh các sản phẩm tấm lợp	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	132.760.567.087	149.702.824.500	1.728.786.580	- 284.192.178.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	35.019.000	-	65.134.700 (100.153.700)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.795.586.087	149.702.824.500	1.793.921.280 (100.153.700)	284.192.178.167
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.889.823.417	(20.452.475.689)	(1.138.823.612)	- 13.298.524.116
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.298.524.116
Doanh thu hoạt động tài Chính				1.466.955.457
Chi phí tài chính				(57.576.096.122)
Thu nhập khác				37.343.082.485
Chi phí khác				(584.398.896)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.960.485.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại				3.163.837.101

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tấm lợp	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>(4.848.580.922)</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>4.903.932.684</u>	<u>5.631.853.219</u>	<u>71.863.636</u>		<u>10.607.649.539</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>877.941.416</u>	<u>26.057.587.317</u>	<u>2.351.597.315</u>		<u>29.287.126.048</u>
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hang và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	115.461.385.800	14.765.074.600	3.481.634.916		- 133.708.095.316
Doanh thu thuần về bán hang và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>115.461.385.800</u>	<u>14.765.074.600</u>	<u>3.481.634.916</u>		<u>- 133.708.095.316</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.981.651.011	1.927.034.872	317.932.535		- 34.226.618.418
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					34.226.618.418
Doanh thu hoạt động tài chính					916.921.727
Chi phí tài chính					(9.296.843.779)
Thu nhập khác					262.824.315
Chi phí khác					(53.816.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.583.097.985)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(253.862.691)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>19.218.743.413</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>25.000.000</u>	<u>87.236.265.013</u>	<u>377.418.182</u>		<u>- 87.638.683.195</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>563.895.603</u>	<u>596.304.087</u>	<u>1.656.256.420</u>		<u>- 2.816.456.110</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tấm lợp	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Công
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	92.551.200.043	1.025.006.222.913	6.853.307.005	1.124.410.729.961
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				95.418.663.481
Tổng tài sản				1.219.829.393.442
 Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	2.956.649.978	772.005.157.285	8.132.435.686	783.094.242.949
Tổng nợ phải trả				824.353.672.000
 Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	108.241.182.041	1.001.413.328.165	1.232.746.563	1.110.887.256.769
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94.624.672.887
Tổng tài sản				1.205.511.929.656
 Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	2.351.098.222	763.257.313.549	8.658.525.885	774.266.937.656
Tổng nợ phải trả				816.659.689.029

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Công ty thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa I đối với diện tích đất sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng số 68/HĐTD/BH1 ngày 15 tháng 8 năm 2005 và phụ lục hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2005:

Diện tích (m^2)	90.024,60
Tiền thuê đất (VND/ $m^2/năm$)	800
Phí hạ tầng (USD/ $m^2/năm$)	0,53
Thời gian thuê còn lại (năm)	38,81

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.065.786.835	1.065.786.044
Trên 1 năm đến 5 năm	4.263.147.342	4.263.144.176
Trên 5 năm	36.606.817.279	37.251.209.850
Cộng	41.935.751.456	42.580.140.070



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.036.117.641	3.917.431.449	1.036.117.641	3.917.431.449
Phải thu khách hàng	2.271.570.789	9.680.482.078	2.271.570.789	9.680.482.078
Các khoản phải thu khác	6.049.442.711	6.300.000	6.049.442.711	6.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	99.357.131.141	103.604.213.527	99.357.131.141	103.604.213.527
Nợ phải trả tài chính				
Vay	627.566.787.831	637.047.422.209	627.566.787.831	637.047.422.209
Phải trả người bán	30.414.039.438	65.956.066.783	30.414.039.438	65.956.066.783
Các khoản phải trả khác	36.789.770.556	33.444.283.457	36.789.770.556	33.444.283.457
Cộng	694.770.597.825	736.447.772.449	694.770.597.825	736.447.772.449

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8, V.14 và V.22).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản cố định hữu hình	789.553.157.140	814.487.951.647
Quyền sử dụng đất	-	8.762.834.977
Tài sản cố định vô hình khác	-	168.382.067
Cộng	789.553.157.140	823.419.168.691

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp này khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Các rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lênh nhau.

Công ty quản lý rủi ro tài chính thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối kỳ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Vay và nợ	301.658.487.999	429.960.556.267	216.925.086.696	948.544.130.962
Phải trả người bán	30.414.039.438	-	-	30.414.039.438
Các khoản phải trả khác	36.789.770.556	-	-	36.789.770.556
Cộng	368.862.297.993	429.960.556.267	216.925.086.696	1.015.747.940.956

Số đầu năm

Vay và nợ	301.312.769.311	558.192.844.396	86.409.985.999	945.915.599.706
Phải trả người bán	65.956.066.783	-	-	65.956.066.783
Các khoản phải trả khác	33.444.283.457	-	-	33.444.283.457
Cộng	400.713.119.551	558.192.844.396	86.409.985.999	1.045.315.949.946

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá cả nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá cả nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng 1 năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản ký quỹ và các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ USD.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất theo thị trường.

Ban Tổng Giám đốc quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, với giả định các biến số khác không đổi, nếu lãi suất tăng/giảm 3% đối với các khoản vay bằng VND và 1% đối với các khoản vay bằng USD thì lợi nhuận sau thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 14.120.252.726 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.796.258.584 VND), vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm/tăng 14.120.252.726 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm/tăng 13.372.587.052 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất kỳ này tăng so với kỳ trước do sự tăng lên của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Sự biến động của giá cả ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Bùi Thị Hoan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	32.119.067.170
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(27.223.647.000)	(27.223.647.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.503.239.193	(4.509.717.580)	(3.006.478.387)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sô dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngân hạn	-	6.391.789.603	-	-	-	6.391.789.603
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sô dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngân hạn cuối năm trước	-	(11.470.855.106)	-	-	-	(11.470.855.106)
Sô dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332
Sô dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	388.852.240.627
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	(4.848.580.922)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sô dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngân hạn cuối năm trước	-	11.470.855.106	-	-	-	11.470.855.106
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sô dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngân hạn cuối kỳ này	-	1.206.631	-	-	-	1.206.631
Sô dư cuối kỳ này	272.236.470.000	76.737.250.400	1.206.631	11.243.301.309	11.450.902.692	23.806.590.410
						395.475.721.442

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu * H'HN *


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc